**Tiết 1 + 2** TIẾNG VIỆT

**Bài 40: âm, âp**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT: Qua bài học HS:

- Nhận biết vần âm, vần âp; đánh vần, đọc đúng tiếng có vần âm, vần âp.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần âm, âp; làm đúng BT nối ghép từ.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Bé Lê.*

- Viết đúng các vần âm, âp, các tiếng củ sâm, cá mập (trên bảng con).

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- GV: Tivi, máy tính.

- HS: *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC: **Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Dạy vần âm**  - HS đọc âm â, chữ m, vần âm.  - Phân tích, đánh vần vần âm  - GV chỉ hình củ sâm: Đây là vật gì?  - Giải nghĩa: Sâm là loại cây có củ rễ dùng làm thuốc bổ.  - Trong từ *củ sâm,* tiếng nào là tiếng mới?  - Phân tích, đánh vần tiếng sâm.  - GV chỉ mô hình vần âm, tiếng sâm, từ khoá.  2,2.Dạy vần âp (như vần âm).  - Quan sát tranh, nêu từ ngữ: *cá mập* (loài cá lớn, rất dữ, sống ở biển, đại dương). Phân tích, đánh vần tiếng mập.  \* *Củng cố:* HS nhắc lại 2 vần mới học: âm, âp; 2 tiếng mới: sâm, mập. | | - HS đọc. HSKT phát âm nhiều lần.  - Cá nhân - lớp  - HSTL: củ sâm  - HSKT chú ý nghe.  - sâm có vần âm.  - Phân tích, đánh vần  - HS luyện đọc.  - HS thực hiện.  - Đánh vần, đọc trơn lại: â - pờ - âp / mờ - âp - mâp - nặng - mập / cá mập.  - HS nhắc lại âm,vần mới - cài trên bảng cài. |
| **3. Luyện tập**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần âm? Tiếng nào có vần âp?)  - Cho HS đọc | | - HS đọc |
| - GV giải nghĩa: *sâm cầm* (loại chim sống dưới nước, chân đen, mỏ trắng, sống ở phương Bắc, trá đông ở phương Nam, thịt thơm ngon).  - HS làm bài trong VBT; báo cáo kết quả  - GV chỉ từng từ:  **3.2.** **Mở rộng vốn từ** (BT 3: Ghép đúng)  - GV nêu YC - chỉ từng từ cho cả lớp đọc.  - Yêu cầu HS nói kết quả: *đầm - cá, đập - lúa, tấp - nập.*  **3.3. Tập viết** (bảng con - BT 5) | | - HS chú ý lắng nghe.  - HS làm BT  - Cả lớp đọc.  - HS đọc, thảo luận (làm bài vào VBT.)  - Vài HS nêu. |
| \* Viết âm, âp, củ sâm, cá mập  - GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu:  + Vần âm: cao 2 li; viết â trước, m sau.  + Vần âp: viết â trước, p sau (p cao 4 li).  + (củ) sâm: viết s trước, vần âm sau.  + (cá) mập: viết m trước, vần âp sau, ...  \* Cho HS viết vở  - GV cùng HS nhận xét | | - 1 HS đọc, nói cách viết vần âm, âp;  chiều cao các con chữ.  - Hs viết bài |
| **Tiết 2** | | |
| 3.4. Tập đọc (BT 4)  - GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc.  \* GV đọc mẫu.  \* Luyện đọc từ ngữ: sâm cầm, chỉ, cá mập, vỗ về, ấm.  \* Luyện đọc câu  - GV: Bài có 10 câu. GV chỉ từng câu cho HS đọc vờ. Có thể chỉ liền 2 câu: *Bé chỉ: “Cò... cò...” / Bé la: “Sợ!”.*  - Đọc tiếp nối từng câu, đọc liền 2 câu ngắn  - HS tìm, đọc tiếng trong bài có vần âm: *sâm cầm, ấm;* vần âp: (cá) *mập.*  \* Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (7 câu / 3 câu); thi đọc cả bài.  - Nhận xét, đánh giá  \* Tìm hiểu bài đọc  - GV chỉ từng ý a, b, c cho cả lớp đọc.  - HS làm bài trong VBT hoặc viết các kí hiệu đúng (Đ) / sai (S) trên thẻ.  - HS đọc  \* Cả lớp đọc lại nội dung bài 40. | - HS lắng nghe  - HSKT lắng nghe  - HS luyện đọc từ.  - Luyện đọc câu  - cá nhân / từng cặp  - HS thi đọc  - HS đọc  - HS làm vào vở BT  - Đồng thanh::Ý a *(Bé Lê chả mê tỉ vi) -* sai. / *Ý* b *(Bé Lê sợ cá mập)* - đúng. / Ý c *(Có má, bé Lê chả sợ nữa) -* đúng. | |
| 4.**Củng cố, dặn dò:**  - Nhắc lại ND bài  - Nhện xét tiết học  - GV nhắc HS về nhà xem trước bài 41 (em, ep). | | |

IV. ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 1 + 2** TIẾNG VIỆT

**Bài 41: em, ep**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT: Sau bài học, HS có khả năng:

- Nhận biết vần em, vần ep; đánh vần, đọc đúng tiếng có vần em, vần ep.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần em, vần ep.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Thi vẽ.*

- Viết đúng các vần em, ep và các tiếng kem, dép (trên bảng con).

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- GV: Tivi, máy tính.

- HS: Vở bài tập Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:  **Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A. Bài cũ:  - Gọi GS đọc 2 HS đọc bài *Bé Lê* (bài 40); 1 HS trả lời câu hỏi: Vì sao bé Lê không sợ cá mập nữa? | 2 HS đọc bài *Bé Lê* (bài 40); trả lời câu hỏi | |
| B. Bài mới:  **1. Giới thiệu bài:** vần em, vần ep. | - HS lắng nghe | |
| **2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  | |
| 2.1.Dạy vần em  - GV chỉ vần em (từng chữ e, m).  - Phân tích vần em  - Đánh vần  - Đưa hình yêu cầu HS nhìn hình, nói: *kem.*  - Cho HS phân tích, đánh vần  - GV chỉ lại mô hình, từ khoá,  2.2.Dạy vần ep.  - Cho HS phân tích, đánh vần  - Cho HS quan sát hình  - Phân tích tiếng dép.  - Đánh vần: dờ - ep - dep - sắc - dép / dép.  - Đánh vần, đọc trơn: e - pờ - ep / dờ - ep - dep - sắc - dép / dép.  \* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: em, ep; 2 tiếng mới: kem, dép.  - Cho HS cài tiếng chứa vần em/ ep | - Cả lớp đọc phát âm.  - Một số HS phân tích..  - HSKT đánh vần.  - HS quan sát - nói: *kem.*  - Phân tích và đánh vần tiếng kem  - HS đọc  - HS thực hiện.  - HS nói: *dép*/ Phân tích tiếng dép. / Đánh vần: dờ - ep - dep - sắc - dép / dép.  - Đánh vần, đọc trơn: e - pờ - ep / dờ - ep - dep - sắc - dép / dép.  - Cài tiếng chứa em/ ep | |
| **3. Luyện tập** |  | |
| **3.1. Mở rộng vốn từ**  - Giới thiệu tranh  - Cho HS đọc tiếng, từ dưới tranh  - HS tìm tiếng có vần em, ep; báo cáo.  - GV chỉ từ, cả lớp: Tiếng (lễ) phép có vần ep. Tiếng tem (thư) có vần em,...  - HS nói thêm tiếng ngoài bài có vần em (đem, kém, nem, hẻm,...); có vần ep (chép, dẹp, nép, tép,...).  3.2. Tập viết (bảng con - BT 4)  - Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học: em, ep, kem, dép.  - GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  + Vần em: ...Vần ep: ....  + kem:  ... dép: c) HS viết bảng con: em, ep (2 lần). Sau đó viết: kem, dép. | - HS đọc  - Hs thực hiện  - HS nêu  - HS đọc  - HSKT theo dõi và đọc cùng các bạn.  - Hs viết bài ở bảng con  - GV cùng HS nhận xét | |
| **Tiết 2** | | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3)  - GV giới thiệu bài đọc kể về cuộc thi vẽ giữa cá chép và gà nhép.  \* GV đọc mẫu.  - Luyện đọc từ ngữ: cá chép, gà nhép, chăm, gà em, trắm, chấm thi, đẹp.  - Luyện đọc câu  GV: Bài có 5 câu. (GV đánh số TT từng câu).  GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). GV nhắc HS nghỉ hơi ở câu 5: Họ cho là gà nhép vẽ vừa đẹp / vừa có ý nghĩa.  \* Thi đọc từng đoạn, cả bài (theo cặp, tổ) chia bài làm 2 đoạn đọc - 3 câu / 2 câu). Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cá lớp đọc đồng thanh cả bài.  \* Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC; mời 1 HS đọc 2 câu hỏi trước lớp.  - GV mời 2 HS giỏi thực hành: em hỏi - em đáp.  - GV: Cá chép chỉ nghĩ về mình, vẽ mình. Bức vẽ của gà nhép vừa đẹp vừa thể hiện tình cảm với mẹ và các em nên gà nhép thắng trong cuộc thi.  - 1 HS hỏi - cả lớp đáp.  \* GV: Qua câu chuyện, em hiểu điều gì?  - GV: Một bức tranh sẽ được đánh giá cao nếu vừa đẹp vừa thể hiện được suy nghĩ, tình cảm tốt đẹp của người vẽ.  - Cả lớp đọc lại nội dung bài. | | - HSKT lắng nghe cùng cả lớp.  - HS luyện đọc  - HS đọc từng câu. HSKT đọc lại câu bạn đọc.  - Đọc nối tiếp câu  - Thi đọc doạn  - HS đọc  - HS đọc  + HS 1: *Ai thắng trong cuộc thi?* HS 2: Gà nhép thắng.  + HS 1: *Vì sao bạn nghĩ là bạn đó thắng?* HS 2: Vì giám khảo cho là gà nhép vẽ đẹp hơn. / Vì giám khảo cho là gà nhép vẽ vừa đẹp vừa có ý nghĩa.  - Gà nhép rất tình cảm. / Gà nhép yêu mẹ và các em. / Gà nhép rất yêu quý gia đình).  - HS đọc |
| 4.Củng cố, dặn dò:  - Nêu tên vần vừa học- đánh vần  - Nhận xét giờ học  - GV dặn HS về nhà kể lại hoặc đọc lại cho người thân nghe câu chuyện Thi vẽ; xem trước bài 42 (êm, êp). | | |

IV. ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………